

NGHỊ QUYẾT

V/v Ban hành Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động - Thông qua Danh sách người lao động được tham gia chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động - Thời gian thực hiện

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 115/2025/TT-BTC ngày 15/12/2025;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/NQ-AGP.ĐHĐCĐ ngày 27/03/2026;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/BB-AGP.ĐHĐCĐ ngày 27/03/2026;
- Căn cứ Tờ trình số 06/TT-AGP.ĐHĐCĐ ngày 03/03/2026 về việc Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP);
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 07/BB-AGP.HĐQT ngày 15/05/2026;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm (“Công ty”).

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này là Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm.

Điều 2. Thông qua Danh sách người lao động được tham gia chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) và số lượng cổ phiếu được phân phối (Danh sách chi tiết đính kèm)

Điều 3. Thời gian dự kiến thực hiện từ Quý II đến quý IV năm 2026, sau khi UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành của Công ty. Thống nhất lựa chọn thời điểm thích hợp để đảm bảo quyền lợi của cổ đông và theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Giám đốc/Trưởng các bộ phận trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu: Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



DS. PHẠM THỊ BÍCH THỦY

QUY CHẾ

Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) của Công ty

(Ban hành kèm theo Nghị quyết HĐQT số 10/NQ-AGP.HĐQT ngày 15/05/2026)



Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Dược phẩm Agimexpharm (gọi tắt là Công ty) ban hành Quy chế Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (Cán bộ - Nhân viên) Công ty như sau:

Điều 1: Mục đích chào bán cổ phiếu

- Tạo sự gắn bó giữa Cán bộ - Nhân viên với Công ty, khích lệ tinh thần đóng góp, làm nền tảng cho sự phát triển lớn mạnh và bền vững của Công ty.
- Tăng vốn điều lệ để bổ sung vốn chủ sở hữu phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 2: Đối tượng áp dụng và tiêu chí phân phối

- Đối tượng áp dụng: Nhân sự chủ chốt, nhân viên có thành tích đóng góp vào sự phát triển của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm.
- Tiêu chí phân phối: Ưu tiên cán bộ chủ chốt, cá nhân có nhiều cống hiến và nhân viên xuất sắc; bảo đảm nguyên tắc công bằng, minh bạch và tương xứng với giá trị mang lại cho Công ty.

Điều 3: Căn cứ tính số lượng cổ phiếu phân phối

- Số lượng cổ phiếu phân bổ cho Cán bộ - Nhân viên được xác định dựa trên (03) tiêu chí:
 - + Chức vụ, vị trí công tác:

Chức vụ	Bậc	Hệ số chức vụ (Ci)
Tổng Giám đốc	1	10,0
Phó Tổng Giám đốc	2	9,0
Giám đốc	3	7,0
Phó Giám đốc	4	6,0
Tổ trưởng	5	4,0
Tổ phó	6	3,0
Nhân viên	7	1,0

+ Thâm niên công tác:

Thâm niên công tác	Bậc	Hệ số thâm niên (Ni)
Thâm niên ≥ 15 năm	1	2,0
10 năm \leq Thâm niên < 15 năm	2	1,5
04 năm \leq Thâm niên < 10 năm	3	1,0
01 năm \leq Thâm niên < 04 năm	4	0,8
Thâm niên < 01 năm	5	0,5

+ Thành tích đóng góp và mức độ hoàn thành công việc:

Thành tích đóng góp và mức độ hoàn thành công việc	Bậc	Hệ số công việc (Ki)
Hoàn thành công việc $\geq 160\%$	1	1,9
$150\% \leq$ Hoàn thành công việc $< 160\%$	2	1,8
$140\% \leq$ Hoàn thành công việc $< 150\%$	3	1,7
$130\% \leq$ Hoàn thành công việc $< 140\%$	4	1,5
$120\% \leq$ Hoàn thành công việc $< 130\%$	5	1,2
$110\% \leq$ Hoàn thành công việc $< 120\%$	6	1,1
$100\% \leq$ Hoàn thành công việc $< 110\%$	7	1,0

- **Dựa trên 03 tiêu chí trên, cổ phiếu được phân phối cho từng người lao động được xác định theo công thức sau:**

Số cổ phiếu phân phối cho mỗi Cán bộ Nhân viên (“CBNV”) = (Tổng điểm của CBNV / Tổng điểm của tất cả CBNV tham gia ESOP) * Tổng số cổ phiếu phát hành theo chương trình ESOP

Trong đó:

Tổng điểm mỗi CBNV = Hệ số chức vụ (Ci) x Hệ số thâm niên (Ni) x Hệ số công việc (Ki)

- **Nguyên tắc làm tròn số lượng cổ phiếu phân phối cho từng người lao động:**

Sau khi xác định số lượng cổ phiếu theo công thức trên, số cổ phiếu ESOP được làm tròn đến hàng trăm theo nguyên tắc:

- Nếu phần lẻ < 50 (sau hàng trăm) thì làm tròn xuống.
- Nếu phần lẻ ≥ 50 (sau hàng trăm) thì làm tròn lên.

Ví dụ: 28.726 cổ phiếu \rightarrow làm tròn còn 28.700 cổ phiếu

28.174 cổ phiếu \rightarrow làm tròn thành 28.200 cổ phiếu

Sau khi tính số lượng cổ phiếu mỗi người lao động được phân phối theo nguyên tắc làm tròn, để đảm bảo phân phối hết 1.530.377 cổ phiếu, HĐQT quyết định phân phối cho người lao động kiêm nhiệm chức danh Chủ tịch Công đoàn 1.877 cổ phiếu.

Điều 4: Loại cổ phiếu chào bán và điều kiện chào bán

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm
- Mã cổ phiếu: AGP
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: **1.530.377** cổ phiếu, tương đương 5% số lượng cổ phiếu đang lưu hành.
- Giá chào bán: **18.000** đồng/cổ phiếu

Điều 5: Chính sách áp dụng

- Các đối tượng quy định tại Điều 2 sẽ được duyệt mua số lượng cổ phiếu cụ thể theo bảng hạng mức tại điều 3 (chi tiết sẽ được thông báo đến từng cá nhân).
- Người lao động sẽ được đứng tên cho số cổ phiếu được xét duyệt mua.
- Cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động này sẽ hạn chế chuyển nhượng 100% trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

Điều 6: Đăng ký mua và Phương thức thanh toán

- Người lao động có quyền đăng ký mua với số lượng cổ phiếu không vượt quá số lượng cổ phiếu theo danh sách được duyệt. Người lao động có thể đăng ký mua toàn bộ hoặc một phần theo danh sách Hội đồng quản trị thông qua.
- Trên cơ sở đăng ký trên, người lao động làm thủ tục đăng ký mua tại Bộ phận Quan hệ Cổ đông Công ty.
- Phương thức thanh toán: Nộp tiền vào tài khoản phong tỏa Công ty:

Số tài khoản: 117000074227

Tên tài khoản: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**

Ngân hàng: Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN An Giang

Điều 7: Điều khoản thực hiện

- Người lao động được duyệt mua cổ phiếu nhưng không đăng ký mua hoặc không mua hết thì Công ty sẽ không giải quyết bất cứ quyền lợi nào khác thay thế.
- Số lượng cổ phiếu người lao động được duyệt mua nhưng từ chối mua hoặc không mua hết sẽ được Hội đồng quản trị Công ty xem xét để tiếp tục chào bán cho những người lao động khác có nhu cầu muốn mua thêm.
- Trong thời gian cổ phiếu còn bị hạn chế chuyển nhượng, nếu số cổ phiếu chào bán cho người lao động có phát sinh các quyền như: cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, trả cổ tức bằng cổ phiếu... thì số cổ phiếu tăng thêm từ việc thực hiện các quyền này sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Người lao động đã nộp đơn xin nghỉ việc sẽ không được tham gia Chương trình ESOP mà không phụ thuộc vào việc ngày chính thức nghỉ việc của người lao động đó xảy ra trước hay sau ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành đối với Chương trình ESOP.
- Trường hợp người lao động nghỉ việc tại Công ty (dưới bất kỳ hình thức nào như chuyển công tác, bị kỷ luật, hay lý do cá nhân khác...) thì Công ty sẽ không thu hồi lại số cổ phiếu của người lao động đang sở hữu còn hạn chế chuyển nhượng.
- Ban Tổng giám đốc, Phòng Hành chính – Nhân sự, Phòng Kế toán và Người lao động Công ty cổ phần Dược phẩm Agimexpharm được duyệt mua cổ phiếu, chịu trách nhiệm trong việc triển khai và thực hiện theo Quy chế này.

Quy chế Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2026

- Quy chế này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



DS. PHẠM THỊ BÍCH THỦY

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH PHÁT HÀNH ESOP

(Ban hành kèm theo Nghị quyết HĐQT số 10/NQ-AGP.HĐQT ngày 15/05/2026)

STT	Họ tên	Bộ phận	Chức vụ	Thâm niên/năm	Hệ số chức vụ (Ci)		Hệ số thâm niên (Ni)		Hệ số thành tích và mức độ hoàn thành công việc (Ki)		Tổng hệ số (Ci x Ni x Ki)	Số cổ phiếu phân bổ	Số cổ phiếu phân bổ (làm tròn)	Tỷ lệ phân bổ	Ghi chú
					Bậc	Hệ số (Ci)	Bậc	Hệ số (Ni)	Bậc	Hệ số (Ki)					
1	NGUYỄN VĂN KHA											49.182	49.200	3,21%	
2	HUỖNH HOÀNG HÀ											44.264	44.300	2,89%	
3	PHẠM THỊ BÍCH THỦY											44.264	44.300	2,89%	
4	LÂM TRÍ HIỀN											31.451	31.500	2,06%	
5	VŨ MINH TUẤN											13.978	14.000	0,91%	
6	TRƯƠNG VƯƠNG QUỐC VŨ											25.821	25.800	1,69%	
7	NGUYỄN HỒNG PHÚC											25.821	25.800	1,69%	
8	TRẦN NGUYỄN MINH HIỀN											34.428	34.400	2,25%	
9	DƯƠNG ÁNH NGỌC											24.462	24.500	1,60%	
10	NGUYỄN THỊ MINH TRANG											30.804	30.800	2,01%	
11	LƯU NGUYỄN HIỀN VÂN											30.804	30.800	2,01%	
12	TRẦN THỊ BẠCH LAN											30.804	30.800	2,01%	
13	PHAN NHẬT HÙNG											27.180	27.200	1,78%	
14	LÊ VĂN MÁC											27.180	27.200	1,78%	
15	NGUYỄN KIM NGUYỄN											27.180	27.200	1,78%	
16	HUỖNH MAI AN THỊNH											27.180	29.077	1,90%	Chủ tịch Công đoàn (1.877 cổ phiếu)
17	QUÁCH THỊ BẠCH HUYỀN											19.932	19.900	1,30%	
18	VŨ HỒNG LẠC											19.932	19.900	1,30%	
19	HUỖNH GIA BẢO											16.308	16.300	1,07%	
20	LÊ MINH NGỌC											15.402	15.400	1,01%	
21	NGUYỄN PHƯỚC DUY											16.308	16.300	1,07%	
22	TRƯƠNG THỊ BÉ SÁU											18.120	18.100	1,18%	

STT	Họ tên	Bộ phận	Chức vụ	Thâm niên/ năm	Hệ số chức vụ (Ci)		Hệ số thâm niên (Ni)		Hệ số thành tích và mức độ hoàn thành công việc (Ki)		Tổng hệ số (Ci x Ni x Ki)	Số cổ phiếu phân bổ	Số cổ phiếu phân bổ (làm tròn)	Tỷ lệ phân bổ	Ghi chú
					Bậc	Hệ số (Ci)	Bậc	Hệ số (Ni)	Bậc	Hệ số (Ki)					
23	PHẠM ĐỖ PHƯƠNG THẢO											13.590	13.600	0,89%	
24	LÊ VĂN CÁCH											18.120	18.100	1,18%	
25	NGUYỄN XUÂN THẢO											13.978	14.000	0,91%	
26	ĐINH THỊ HỒNG LOAN											23.297	23.300	1,52%	
27	NGUYỄN VĨNH TRÍ											23.297	23.300	1,52%	
28	PHAN THỊ THỦY LINH											15.531	15.500	1,01%	
29	TÔ THỊ XUÂN THU											15.531	15.500	1,01%	
30	DANH DUY CƯỜNG											7.377	7.400	0,48%	
31	SƠN NGỌC THANH											6.989	7.000	0,46%	
32	LÝ THỊ THANH TRANG											11.648	11.600	0,76%	
33	TRỊNH THỊ OANH											15.531	15.500	1,01%	
34	NGUYỄN TRƯƠNG VIỆT THẮNG											11.648	11.600	0,76%	
35	DƯƠNG HỮU ĐỨC											15.531	15.500	1,01%	
36	TRƯƠNG THỊ THỦY DUNG											11.648	11.600	0,76%	
37	TRẦN LAN HƯƠNG											11.648	11.600	0,76%	
38	PHẠM THỊ ÁI VÂN											9.319	9.300	0,61%	
39	LÊ VĂN HIỆP											17.602	17.600	1,15%	
40	NGUYỄN ÁI TRIỀU											13.202	13.200	0,86%	
41	VŨ TRƯỜNG GIANG											11.648	11.600	0,76%	
42	NGUYỄN CÔNG HUÂN											9.319	9.300	0,61%	
43	NGUYỄN THỊ HIẾU											11.390	11.400	0,74%	
44	NGUYỄN THỊ THỦY TRANG											13.202	13.200	0,86%	
45	NGUYỄN NGỌC NGUYÊN TRANG											7.041	7.000	0,46%	
46	NGUYỄN MINH GIANG											10.354	10.400	0,68%	

STT	Họ tên	Bộ phận	Chức vụ	Thâm niên/ năm	Hệ số chức vụ (Ci)		Hệ số thâm niên (Ni)		Hệ số thành tích và mức độ hoàn thành công việc (Ki)		Tổng hệ số (Ci x Ni x Ki)	Số cổ phiếu phân bổ	Số cổ phiếu phân bổ (làm tròn)	Tỷ lệ phân bổ	Ghi chú
					Bậc	Hệ số (Ci)	Bậc	Hệ số (Ni)	Bậc	Hệ số (Ki)					
47	LÊ VĂN NGHIỆM											7.766	7.800	0,51%	
48	VÕ PHƯỚC THỌ											9.319	9.300	0,61%	
49	NGUYỄN THỊ KIM HOÀNG											4.970	5.000	0,33%	
50	TRẦN VĂN TÚ											4.970	5.000	0,33%	
51	LÊ THANH											4.970	5.000	0,33%	
52	LƯƠNG THANH DŨNG											7.455	7.500	0,49%	
53	PHAN THỊ THÙY TRANG											12.425	12.400	0,81%	
54	LÊ THỊ MỘNG ẢNH											9.319	9.300	0,61%	
55	NGUYỄN LÊ THANH TÂM											4.659	4.700	0,31%	
56	TRẦN THANH TÙNG											4.659	4.700	0,31%	
57	NGUYỄN THẾ ANH											2.330	2.300	0,15%	
58	TRẦN PHÚC CHÍNH											2.330	2.300	0,15%	
59	DƯƠNG THÀNH LÂM											4.659	4.700	0,31%	
60	LÊ PHƯƠNG											2.589	2.600	0,17%	
61	LÊ HƯỚNG HUY											1.035	1.000	0,07%	
62	LÊ MINH NHÂN											1.294	1.300	0,08%	
63	NGUYỄN NGỌC VIÊN											1.294	1.300	0,08%	
64	LÝ VĂN DƯƠNG											1.035	1.000	0,07%	
65	HUỲNH THANH SƠN											1.294	1.300	0,08%	
66	LÊ PHƯỚC THỌ											1.035	1.000	0,07%	
67	VÕ THANH VŨ LINH											2.330	2.300	0,15%	
68	TRƯƠNG VƯƠNG QUỐC HOÀNG											2.330	2.300	0,15%	
69	NGUYỄN THỊ THÚY AN											3.495	3.500	0,23%	
70	NGUYỄN THỊ THU HIỀN											1.864	1.900	0,12%	

STT	Họ tên	Bộ phận	Chức vụ	Thâm niên/năm	Hệ số chức vụ (Ci)		Hệ số thâm niên (Ni)		Hệ số thành tích và mức độ hoàn thành công việc (Ki)		Tổng hệ số (Ci x Ni x Ki)	Số cổ phiếu phân bổ	Số cổ phiếu phân bổ (làm tròn)	Tỷ lệ phân bổ	Ghi chú
					Bậc	Hệ số (Ci)	Bậc	Hệ số (Ni)	Bậc	Hệ số (Ki)					
71	TRƯƠNG THỊ VINH											3.689	3.700	0,24%	
72	VÕ VƯƠNG THÀNH TRUNG											1.967	2.000	0,13%	
73	TRƯƠNG VĂN THUỜNG											1.864	1.900	0,12%	
74	HUỲNH KIM LINH											3.689	3.700	0,24%	
75	THÁI MAI LOAN											2.459	2.500	0,16%	
76	VÕ VƯƠNG BÌNH YÊN											3.495	3.500	0,23%	
77	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH											2.459	2.500	0,16%	
78	THÁI NGỌC MAI											1.165	1.200	0,08%	
79	ĐẶNG TRỌNG KHƯƠNG											2.330	2.300	0,15%	
80	VÕ TẤN PHƯƠNG											2.330	2.300	0,15%	
81	NGUYỄN THỊ BÍCH HẠNH											1.941	1.900	0,12%	
82	NGUYỄN THỊ THÚY NHI											1.165	1.200	0,08%	
83	TRƯƠNG NỮ PHƯƠNG THẢO											1.230	1.200	0,08%	
84	ĐỖ THỊ CÚC ANH											1.243	1.200	0,08%	
85	HOÀNG THỊ YÊN											1.294	1.300	0,08%	
86	BÙI THỊ HÒA											1.294	1.300	0,08%	
87	NGUYỄN ĐÌNH HOẠT											3.689	3.700	0,24%	
88	NGUYỄN MINH LÂM											3.495	3.500	0,23%	
89	NGUYỄN DOÃN LỘC											3.495	3.500	0,23%	
90	LƯƠNG NGỌC MAI											3.495	3.500	0,23%	
91	NGUYỄN ĐỨC TÙNG											1.553	1.600	0,10%	
92	THIỆU THỊ KIM CHI											2.847	2.800	0,18%	
93	LÂM THỊ BÍCH THẢO											2.330	2.300	0,15%	
94	NGUYỄN TRƯỜNG AN											2.459	2.500	0,16%	

STT	Họ tên	Bộ phận	Chức vụ	Thâm niên/ năm	Hệ số chức vụ (Ci)		Hệ số thâm niên (Ni)		Hệ số thành tích và mức độ hoàn thành công việc (Ki)		Tổng hệ số (Ci x Ni x Ki)	Số cổ phiếu phân bổ	Số cổ phiếu phân bổ (làm tròn)	Tỷ lệ phân bổ	Ghi chú
					Bậc	Hệ số (Ci)	Bậc	Hệ số (Ni)	Bậc	Hệ số (Ki)					
95	NGUYỄN MINH KHANG											2.459	2.500	0,16%	
96	NGUYỄN NAM KHANG											2.459	2.500	0,16%	
97	LÊ THỊ HÀ											1.243	1.200	0,08%	
98	HUỲNH TRÚC PHONG											2.589	2.600	0,17%	
99	KIỀU THỊ HÀ											1.165	1.200	0,08%	
100	ĐỖ THANH TOÀN											1.243	1.200	0,08%	
101	NGUYỄN MINH TRANG											1.035	1.000	0,07%	
102	VĂN CÔNG BẢO TRẦN											1.035	1.000	0,07%	
103	NGUYỄN THÀNH TIẾN											1.035	1.000	0,07%	
104	NGUYỄN XUÂN ANH TRÚC											1.035	1.000	0,07%	
105	NGUYỄN ĐỨC THẢO											1.035	1.000	0,07%	
106	NGUYỄN TÂN HOÀNG											1.035	1.000	0,07%	
107	NGUYỄN THÀNH THỌ											1.035	1.000	0,07%	
108	CHAU VANH NY											1.294	1.300	0,08%	
109	VÕ PHONG PHÚ											1.035	1.000	0,07%	
110	VÕ VĂN LUÔNG											1.941	1.900	0,12%	
111	THẠCH MINH THIỆN											2.200	2.200	0,14%	
112	NGUYỄN THỊ THANH THỦY											1.294	1.300	0,08%	
113	NGUYỄN THỊ THU HÀ											1.294	1.300	0,08%	
114	HUỲNH TRẦN CHÍ TRUNG											2.330	2.300	0,15%	
115	NGUYỄN PHƯỚC LỘC											1.864	1.900	0,12%	
116	NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG											1.243	1.200	0,08%	
117	TỔNG THANH TUYỀN											2.330	2.300	0,15%	
118	NGUYỄN THỊ NGỌC											1.553	1.600	0,10%	

STT	Họ tên	Bộ phận	Chức vụ	Thâm niên/năm	Hệ số chức vụ (Ci)		Hệ số thâm niên (Ni)		Hệ số thành tích và mức độ hoàn thành công việc (Ki)		Tổng hệ số (Ci x Ni x Ki)	Số cổ phiếu phân bổ	Số cổ phiếu phân bổ (làm tròn)	Tỷ lệ phân bổ	Ghi chú
					Bậc	Hệ số (Ci)	Bậc	Hệ số (Ni)	Bậc	Hệ số (Ki)					
119	NGUYỄN THỊ MINH NGỌC											2.459	2.500	0,16%	
120	TRẦN NGỌC GIANG											1.035	1.000	0,07%	
121	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG											2.589	2.600	0,17%	
122	HỨA NGỌC TUYỀN											2.330	2.300	0,15%	
123	HUỖNH DIỄM THI											2.330	2.300	0,15%	
124	HUỖNH THỊ YẾN NHI											2.330	2.300	0,15%	
125	QUÁCH PHƯƠNG THẢO											1.941	1.900	0,12%	
126	ĐOÀN LƯU BẢO CHÂU											1.035	1.000	0,07%	
127	LÊ VĂN TRÂM											4.659	4.700	0,31%	
128	HUỖNH CHÂU TÌNH											2.459	2.500	0,16%	
129	PHẠM TĂNG THỊ MỸ LINH											3.495	3.500	0,23%	
130	LÊ THỊ THÚY TIÊN											1.243	1.200	0,08%	
131	TRẦN THỊ BÍCH NGỌC											1.553	1.600	0,10%	
132	NGUYỄN CHÍ THÀNH											1.035	1.000	0,07%	
133	HỒ NGUYỄN XUÂN KHA											1.035	1.000	0,07%	
134	HUỖNH THỊ XUÂN NHẢ											1.035	1.000	0,07%	
135	LÝ HƯƠNG LAN											1.035	1.000	0,07%	
136	NGUYỄN THỊ KIỀU LOAN											4.659	4.700	0,31%	
137	BÙI THỊ LIỄU											4.659	4.700	0,31%	
138	BÙI THỊ THANH XUÂN											4.659	4.700	0,31%	
139	CHÂU THỊ HUỖNH HOA											1.941	1.900	0,12%	
140	CAO THỊ HỒNG LAM											1.864	1.900	0,12%	
141	NGUYỄN THỊ BÍCH HỢP											1.243	1.200	0,08%	
142	TRẦN HỒNG PHÚ											1.294	1.300	0,08%	

STT	Họ tên	Bộ phận	Chức vụ	Thâm niên/năm	Hệ số chức vụ (Ci)		Hệ số thâm niên (Ni)		Hệ số thành tích và mức độ hoàn thành công việc (Ki)		Tổng hệ số (Ci x Ni x Ki)	Số cổ phiếu phân bổ	Số cổ phiếu phân bổ (làm tròn)	Tỷ lệ phân bổ	Ghi chú
					Bậc	Hệ số (Ci)	Bậc	Hệ số (Ni)	Bậc	Hệ số (Ki)					
143	TRẦN THỊ AN TIÊN											1.294	1.300	0,08%	
144	PHẠM THỊ NGỌC MỸ											1.035	1.000	0,07%	
145	LÊ THỊ MỸ LOAN											1.035	1.000	0,07%	
146	TRẦN THỊ THẨM											1.035	1.000	0,07%	
147	LÊ TẤN ĐẠT											4.659	4.700	0,31%	
148	NGUYỄN THỊ HUỲNH NHƯ											2.330	2.300	0,15%	
149	NGUYỄN THỊ ANH ĐÀO											4.659	4.700	0,31%	
150	NGUYỄN THÀNH PHÚC											1.760	1.800	0,12%	
151	NGUYỄN THỊ KIM HƯƠNG											2.200	2.200	0,14%	
152	ĐỖ CÔNG HẢI											2.459	2.500	0,16%	
153	PHAN THỊ LỆ HẰNG											1.553	1.600	0,10%	
154	HUỲNH THỊ NGUYỆT NHI											1.941	1.900	0,12%	
155	NGUYỄN TRẦN TÚ MỸ											1.243	1.200	0,08%	
156	NGUYỄN THỊ DIỄM MY											1.243	1.200	0,08%	
157	TIÊU NHỰT TRƯỜNG											1.941	1.900	0,12%	
158	TRẦN VĂN NHƯ											1.243	1.200	0,08%	
159	NGUYỄN THÀNH ĐỒ											2.589	2.600	0,17%	
160	NGUYỄN HỒ TRỌNG NGHĨA											1.035	1.000	0,07%	
161	PHÙNG QUANG MINH											1.941	1.900	0,12%	
162	LÂM THỊ QUỲNH DUNG											2.589	2.600	0,17%	
163	LÊ THỊ THU HÀ											4.659	4.700	0,31%	
164	NGUYỄN THỊ MỸ NHÂN											4.659	4.700	0,31%	
165	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẨM											4.659	4.700	0,31%	
166	TRẦN THỊ HOÀNG											4.918	4.900	0,32%	

STT	Họ tên	Bộ phận	Chức vụ	Thâm niên/năm	Hệ số chức vụ (Ci)		Hệ số thâm niên (Ni)		Hệ số thành tích và mức độ hoàn thành công việc (Ki)		Tổng hệ số (Ci x Ni x Ki)	Số cổ phiếu phân bổ	Số cổ phiếu phân bổ (làm tròn)	Tỷ lệ phân bổ	Ghi chú
					Bậc	Hệ số (Ci)	Bậc	Hệ số (Ni)	Bậc	Hệ số (Ki)					
167	LÊ THỊ NGỌC DIỆU											4.659	4.700	0,31%	
168	NGUYỄN THỊ THU THỦY											2.330	2.300	0,15%	
169	TRẦN THỊ MAI HOÀNG											2.330	2.300	0,15%	
170	PHAN THANH TẾ											2.330	2.300	0,15%	
171	TRẦN YẾN VĨ											4.659	4.700	0,31%	
172	MAI THỊ MÀN BA											3.495	3.500	0,23%	
173	QUÁCH THỊ TÚ NGÀ											4.659	4.700	0,31%	
174	LƯƠNG THỊ MỸ PHƯƠNG											2.330	2.300	0,15%	
175	HUỲNH THỊ THÚY AN											2.330	2.300	0,15%	
176	MAI THANH DUNG											2.847	2.800	0,18%	
177	HUỲNH LÊ ANH KIẾT											2.459	2.500	0,16%	
178	ĐÀM DIỄM TRANG											1.035	1.000	0,07%	
179	CAO THỤY MƯỜI MƯƠI											1.294	1.300	0,08%	
180	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC											1.035	1.000	0,07%	
181	PHẠM VÔ HỒNG Y											1.294	1.300	0,08%	
182	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN											647	600	0,04%	
183	TRẦN ANH KHÁNH											2.330	2.300	0,15%	
184	BÙI QUỐC QUANG											2.459	2.500	0,16%	
185	NGUYỄN VĂN HỢP											1.294	1.300	0,08%	
186	LÊ THỊ THU TRÚC											4.659	4.700	0,31%	
187	ĐỖ THỊ KIM LÉN											4.659	4.700	0,31%	
188	NGUYỄN THỊ TIÊU PHƯƠNG											2.330	2.300	0,15%	
189	ĐẶNG THỊ THỦY TRANG											2.459	2.500	0,16%	
190	NGUYỄN THỊ NU											3.495	3.500	0,23%	

STT	Họ tên	Bộ phận	Chức vụ	Thâm niên/ năm	Hệ số chức vụ (Ci)		Hệ số thâm niên (Ni)		Hệ số thành tích và mức độ hoàn thành công việc (Ki)		Tổng hệ số (Ci x Ni x Ki)	Số cổ phiếu phân bổ	Số cổ phiếu phân bổ (làm tròn)	Tỷ lệ phân bổ	Ghi chú
					Bậc	Hệ số (Ci)	Bậc	Hệ số (Ni)	Bậc	Hệ số (Ki)					
191	ĐOÀN LƯU BẢO TRẦN											1.760	1.800	0,12%	
192	ĐỖ THỊ BÍCH TUYÊN											2.912	2.900	0,19%	
193	NGUYỄN MINH TRIẾT											4.918	4.900	0,32%	
194	HUỲNH TÂN BÁ LỘC											3.689	3.700	0,24%	
195	LÊ TÂN PHÁT											4.659	4.700	0,31%	
196	PHẠM VĂN NHỰT											3.495	3.500	0,23%	
197	BÙI HOÀNG CHIẾN											1.553	1.600	0,10%	
198	TÓNG VĂN BÌNH											3.106	3.100	0,20%	
199	BÙI THỊ THANH THẢO											2.136	2.100	0,14%	
200	TRẦN VĂN TÀI											1.230	1.200	0,08%	
201	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG											4.659	4.700	0,31%	
202	ĐÀO THỊ NHƯ NGỌC											4.918	4.900	0,32%	
203	LÊ PHÚC BÌNH											2.330	2.300	0,15%	
204	NGUYỄN THỊ CẨM TIÊN											2.330	2.300	0,15%	
205	NGUYỄN THỊ HOÀNG CHÂU											1.243	1.200	0,08%	
206	NGUYỄN THỊ HUỲNH ANH											1.243	1.200	0,08%	
207	TRẦN THỊ BÍCH DUYÊN											2.589	2.600	0,17%	
208	LÊ HỮU NHÂN											1.035	1.000	0,07%	
209	DƯƠNG PHƯƠNG ANH											1.035	1.000	0,07%	
210	VÔ PHÚC TRẦN											1.294	1.300	0,08%	
211	VÔ THỊ HOÀNG OANH											3.495	3.500	0,23%	
212	PHAN LÊ YẾN PHỤNG											2.330	2.300	0,15%	
213	TRẦN THỊ HUYỀN NHUNG											4.659	4.700	0,31%	
214	BÙI THỊ THẢO UYÊN											2.330	2.300	0,15%	

STT	Họ tên	Bộ phận	Chức vụ	Thâm niên/năm	Hệ số chức vụ (Ci)		Hệ số thâm niên (Ni)		Hệ số thành tích và mức độ hoàn thành công việc (Ki)		Tổng hệ số (Ci x Ni x Ki)	Số cổ phiếu phân bổ	Số cổ phiếu phân bổ (làm tròn)	Tỷ lệ phân bổ	Ghi chú
					Bậc	Hệ số (Ci)	Bậc	Hệ số (Ni)	Bậc	Hệ số (Ki)					
215	NGUYỄN THỊ DUY DUNG											1.967	2.000	0,13%	
216	ĐƯỜNG THỊ NHẬT LỆ											1.294	1.300	0,08%	
217	LÊ NGỌC UYÊN PHƯƠNG											2.589	2.600	0,17%	
218	NGUYỄN THỊ BÍCH TUYỀN											1.035	1.000	0,07%	
219	NGUYỄN THỊ BÍCH HỒNG											1.294	1.300	0,08%	
220	HUỲNH HỮU ÁI VY											1.294	1.300	0,08%	
221	VÕ TRẦN TÚ											2.330	2.300	0,15%	
222	NGUYỄN ANH PHƯƠNG											2.459	2.500	0,16%	
223	PHAN THÀNH NAM											1.243	1.200	0,08%	
224	ĐẶNG PHƯỚC ĐIỀN											1.243	1.200	0,08%	
225	NGUYỄN NGỌC HÒA THUẬN											1.243	1.200	0,08%	
226	LÊ VĂN TRƯỜNG											1.230	1.200	0,08%	
227	PHÙNG HỮU HẢO											1.243	1.200	0,08%	
228	TRỊNH CÔNG ĐIỀN NGUYỄN											1.294	1.300	0,08%	
229	ĐẶNG CÔNG QUI											1.230	1.200	0,08%	
230	NGUYỄN HOÀNG NHÂN											1.035	1.000	0,07%	
231	CHÂU QUỐC TRUNG											1.035	1.000	0,07%	
232	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN											1.035	1.000	0,07%	
233	VĂN CHẤN PHÁT											1.035	1.000	0,07%	
234	NGUYỄN KẾ TRUNG											1.035	1.000	0,07%	
235	NGUYỄN PHÚ THỊNH											647	600	0,04%	
236	VÕ MINH THIÊN											4.659	4.700	0,31%	
237	NGUYỄN PHÚC HẬU											2.330	2.300	0,15%	
238	TRẦN TRỌNG TÍN											4.659	4.700	0,31%	

STT	Họ tên	Bộ phận	Chức vụ	Thâm niên/ năm	Hệ số chức vụ (Ci)		Hệ số thâm niên (Ni)		Hệ số thành tích và mức độ hoàn thành công việc (Ki)		Tổng hệ số (Ci x Ni x Ki)	Số cổ phiếu phân bổ	Số cổ phiếu phân bổ (làm tròn)	Tỷ lệ phân bổ	Ghi chú
					Bậc	Hệ số (Ci)	Bậc	Hệ số (Ni)	Bậc	Hệ số (Ki)					
239	LÊ THỊ NGÂN											2.330	2.300	0,15%	
240	TRẦN QUỐC DUY											2.330	2.300	0,15%	
241	MAI THANH PHƯƠNG											4.401	4.400	0,29%	
242	HUỖNH VĂN TRUYỀN											2.589	2.600	0,17%	
243	TRẦN MINH HỘ											1.760	1.800	0,12%	
244	NGUYỄN THANH GIANG											1.243	1.200	0,08%	
245	ĐẶNG TRUNG HẬU											1.035	1.000	0,07%	
246	NGUYỄN HOÀNG SƠN											1.035	1.000	0,07%	
247	LÊ THANH BÌNH											1.035	1.000	0,07%	
248	NGUYỄN BÙI DƯƠNG NHẬT											2.330	2.300	0,15%	
249	PHẠM THANH TÙNG											4.659	4.700	0,31%	
250	ĐỖ THỊ THỦY TIÊN											2.330	2.300	0,15%	
251	HUỖNH NHỰT TÂN											1.553	1.600	0,10%	
252	PHẠM NGỌC TRÂN											1.243	1.200	0,08%	
253	TRƯƠNG THỊ THANH TUYỀN											1.967	2.000	0,13%	
254	NGUYỄN THỊ BẢO TRÂN											1.243	1.200	0,08%	
255	HUỖNH THỊ BÍCH TRÂM											1.035	1.000	0,07%	
256	PHẠM NGUYỄN TRÚC LY											1.035	1.000	0,07%	
257	TRẦN THỊ DIỄM MY											1.035	1.000	0,07%	
258	VƯƠNG Ý THÁI VÂN											1.230	1.200	0,08%	
259	PHAN NHẬT QUỲNH											1.230	1.200	0,08%	
260	VÕ THỊ NGỌC TRINH											1.035	1.000	0,07%	
261	NGUYỄN THẾ HẢI											3.495	3.500	0,23%	
262	HUỖNH HOÀNG THẠCH											2.330	2.300	0,15%	

STT	Họ tên	Bộ phận	Chức vụ	Thâm niên/năm	Hệ số chức vụ (Ci)		Hệ số thâm niên (Ni)		Hệ số thành tích và mức độ hoàn thành công việc (Ki)		Tổng hệ số (Ci x Ni x Ki)	Số cổ phiếu phân bổ	Số cổ phiếu phân bổ (làm tròn)	Tỷ lệ phân bổ	Ghi chú
					Bậc	Hệ số (Ci)	Bậc	Hệ số (Ni)	Bậc	Hệ số (Ki)					
263	NGUYỄN PHƯỚC SANG											2.330	2.300	0,15%	
264	TRẦN PHƯỚC ĐẠI											2.459	2.500	0,16%	
265	NGUYỄN TẤN ĐẠT											2.330	2.300	0,15%	
266	NGUYỄN THANH VIỆT											2.330	2.300	0,15%	
267	NGUYỄN TẤN ĐẠT											1.243	1.200	0,08%	
268	VÕ NGỌC DUY TÂN											1.243	1.200	0,08%	
269	TRỊNH DUY KHÁNH EM											1.243	1.200	0,08%	
270	THÂN NHẬT LINH											1.553	1.600	0,10%	
271	ĐẶNG HUỖNH QUANG											1.243	1.200	0,08%	
272	NGUYỄN TRỌNG NGUYỄN KHOA											1.243	1.200	0,08%	
273	NGUYỄN VĂN TUẤN CƯỜNG											2.330	2.300	0,15%	
274	TRẦN HOÀNG HUY											1.230	1.200	0,08%	
275	PHẠM TRẦN TUẤN KHOA											1.553	1.600	0,10%	
276	HÀ ĐĂNG HUY											1.035	1.000	0,07%	
277	TRẦN VĂN TÍN											1.294	1.300	0,08%	
278	LÊ THỊ TƯỜNG VY											647	600	0,04%	
279	NGUYỄN TẤN PHÁT											2.330	2.300	0,15%	
280	HUỖNH TUẤN KIẾT											4.659	4.700	0,31%	
281	HUỖNH NGỌC PHON											4.918	4.900	0,32%	
282	LÊ TẤN HÙNG											2.330	2.300	0,15%	
283	LÊ THANH QUANG											4.659	4.700	0,31%	
284	NGUYỄN TẤN LỢI											2.847	2.800	0,18%	
285	NGUYỄN LÊ MINH NHỰT											1.294	1.300	0,08%	
286	TRƯƠNG TẤN SANG											1.035	1.000	0,07%	

STT	Họ tên	Bộ phận	Chức vụ	Thâm niên/năm	Hệ số chức vụ (Ci)		Hệ số thâm niên (Ni)		Hệ số thành tích và mức độ hoàn thành công việc (Ki)		Tổng hệ số (Ci x Ni x Ki)	Số cổ phiếu phân bổ	Số cổ phiếu phân bổ (làm tròn)	Tỷ lệ phân bổ	Ghi chú
					Bậc	Hệ số (Ci)	Bậc	Hệ số (Ni)	Bậc	Hệ số (Ki)					
287	HÀ TRÍ SÁCH											2.589	2.600	0,17%	
288	NGUYỄN TRƯỞNG LAM LINH											1.230	1.200	0,08%	
289	VÕ HỮU THÊ											4.659	4.700	0,31%	
290	MAI THỊ BÍCH THÙY											4.659	4.700	0,31%	
291	NGUYỄN THỊ NGỌC HẦU											4.918	4.900	0,32%	
292	NGUYỄN THỊ KIM QUYÊN											4.659	4.700	0,31%	
293	PHAN THÙY DƯƠNG											4.659	4.700	0,31%	
294	LÊ THANH TRÚC											1.941	1.900	0,12%	
295	TRÌNH THANH QUỶ											1.294	1.300	0,08%	
296	NGUYỄN THANH BÌNH											1.035	1.000	0,07%	
297	HUỲNH PHÚC DƯ											2.589	2.600	0,17%	
298	LÊ BẢO TOÀN											1.941	1.900	0,12%	
299	TRƯƠNG VĂN KHIÊN											1.035	1.000	0,07%	
300	NGÔ THÁI BẢO											1.967	2.000	0,13%	
301	NGUYỄN HUY BÌNH											1.230	1.200	0,08%	
302	TRỊNH PHƯƠNG TRANG											1.230	1.200	0,08%	
	TỔNG CỘNG											1.530.377	1.530.377	100%	-

NGHỊ QUYẾT

**V/v triển khai phương án phát hành cổ phiếu
theo chương trình lựa chọn cho người lao động; thông qua phương án đảm bảo
việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 115/2025/TT-BTC ngày 15/12/2025;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/NQ-AGP.ĐHĐCĐ ngày 27/03/2026;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/BB-AGP.ĐHĐCĐ ngày 27/03/2026;
- Căn cứ Tờ trình số 02/TT-AGP.ĐHĐCĐ ngày 03/03/2026 về việc Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức;
- Căn cứ Tờ trình số 06/TT-AGP.ĐHĐCĐ ngày 03/03/2026 về việc Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP);
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 07/BB-AGP.HĐQT ngày 15/05/2026;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm ("Công ty").

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua ngày 27/03/2026 như sau:

1. **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm
2. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
3. **Mã chứng khoán:** AGP
4. **Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu

5. **Vốn điều lệ hiện tại:** 306.075.580.000 đồng
6. **Tổng số cổ phiếu đã phát hành:** 30.607.558 cổ phiếu
- Trong đó:
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 30.607.558 cổ phiếu
 - Tổng số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
7. **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa:** 1.530.377 cổ phiếu
8. **Tổng giá trị cổ phiếu phát hành tối đa theo mệnh giá:** 15.303.770.000 đồng
9. **Mục đích phát hành:** Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
10. **Đối tượng phát hành:** Nhân sự chủ chốt, nhân viên có thành tích đóng góp vào sự phát triển của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm.
11. **Tỷ lệ số lượng cổ phiếu phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành):** 5%
12. **Giá phát hành:** 18.000 đồng/cổ phiếu
13. **Tổng số tiền huy động dự kiến:** 27.546.786.000 đồng
14. **Tiêu chuẩn người lao động của Công ty được tham gia Chương trình ESOP:**
- Thuộc danh sách do Hội đồng quản trị phê duyệt;
 - Không thuộc trường hợp đã nộp đơn xin nghỉ việc/từ nhiệm tại thời điểm Hội đồng quản trị phê duyệt danh sách hoặc tại thời điểm triển khai phát hành. Trường hợp người lao động đã nộp đơn xin nghỉ việc/từ nhiệm thì không đủ điều kiện tham gia Chương trình ESOP, không phụ thuộc vào việc ngày chính thức chấm dứt hợp đồng lao động/từ nhiệm xảy ra trước hay sau thời điểm Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận đủ hồ sơ báo cáo phát hành.
 - Là cán bộ, nhân viên có vai trò quan trọng hoặc đóng góp tích cực đối với sự thành công và phát triển của Công ty, đồng thời cam kết tiếp tục gắn bó và đóng góp cho Công ty trong tương lai.
15. **Tiêu chí phân phối:** Ưu tiên cán bộ chủ chốt, cá nhân có nhiều cống hiến và nhân viên xuất sắc; bảo đảm nguyên tắc công bằng, minh bạch và tương xứng với giá trị mang lại cho Công ty.

*** Số lượng cổ phiếu phân phối cho từng người lao động được xác định dựa trên 03 tiêu chí:**

1) Chức vụ, vị trí công tác:

Chức vụ	Bậc	Hệ số chức vụ (Ci)
Tổng Giám đốc	1	10,0
Phó TGD	2	9,0
Giám đốc	3	7,0
Phó Giám đốc	4	6,0
Tổ trưởng	5	4,0
Tổ phó	6	3,0
Nhân viên	7	1,0

2) Thâm niên công tác:

Thâm niên công tác	Bậc	Hệ số thâm niên (Ni)
Thâm niên ≥ 15 năm	1	2,0
$10 \text{ năm} \leq \text{Thâm niên} < 15 \text{ năm}$	2	1,5
$04 \text{ năm} \leq \text{Thâm niên} < 10 \text{ năm}$	3	1,0
$01 \text{ năm} \leq \text{Thâm niên} < 04 \text{ năm}$	4	0,8
Thâm niên < 01 năm	5	0,5

3) Thành tích đóng góp và mức độ hoàn thành công việc:

Thành tích và mức độ hoàn thành công việc	Bậc	Hệ số công việc (Ki)
Hoàn thành công việc $\geq 160\%$	1	1,9
$150\% \leq \text{Hoàn thành công việc} < 160\%$	2	1,8
$140\% \leq \text{Hoàn thành công việc} < 150\%$	3	1,7
$130\% \leq \text{Hoàn thành công việc} < 140\%$	4	1,5
$120\% \leq \text{Hoàn thành công việc} < 130\%$	5	1,2
$110\% \leq \text{Hoàn thành công việc} < 120\%$	6	1,1
$100\% \leq \text{Hoàn thành công việc} < 110\%$	7	1,0

*** Phương pháp xác định số lượng cổ phiếu phân phối:**

Số cổ phiếu phân phối cho mỗi Cán bộ Nhân viên ("CBNV") = (Tổng điểm của CBNV / Tổng điểm của tất cả CBNV tham gia ESOP) * Tổng số cổ phiếu phát hành theo chương trình ESOP

Trong đó:

Tổng điểm mỗi CBNV = Hệ số chức vụ (Ci) x Hệ số thâm niên (Ni) x Hệ số công việc (Ki)

*** Nguyên tắc làm tròn:** Sau khi xác định số lượng cổ phiếu theo công thức trên, số cổ phiếu ESOP được làm tròn đến hàng trăm theo nguyên tắc:

- Nếu phần lẻ < 50 (sau hàng trăm) thì làm tròn xuống.
- Nếu phần lẻ ≥ 50 (sau hàng trăm) thì làm tròn lên.

Ví dụ: 28.726 cổ phiếu \rightarrow làm tròn còn 28.700 cổ phiếu
28.174 cổ phiếu \rightarrow làm tròn thành 28.200 cổ phiếu

16. Xác định danh sách người lao động được tham gia chương trình ESOP và số lượng cổ phiếu được phân phối: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt danh sách người lao động được tham gia chương trình ESOP và số lượng cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng tại thời điểm phát hành dựa trên các tiêu chí đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

17. Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

18. Phương án xử lý trong trường hợp người lao động nghỉ việc trong thời gian cam kết hạn chế chuyển nhượng: Đại hội đồng cổ đông quyết định không thu hồi số cổ phiếu người lao động nhận được trong đợt phát hành này.

19. Thời gian dự kiến phát hành: Sau khi được ĐHĐCĐ thông qua và sau khi UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành của Công ty, dự kiến thực hiện trong Quý II - IV năm 2026. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm phát hành thích hợp để đảm bảo quyền lợi của cổ đông và theo quy định của pháp luật.

20. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

21. Phương án xử lý cổ phiếu chưa chào bán hết: Số lượng cổ phiếu chưa chào bán hết theo dự kiến, sẽ được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định phân phối cho đối tượng là người lao động khác phù hợp với mục đích của chương trình với điều kiện giá chào bán không thấp hơn 18.000 đồng/cổ phiếu. Trong trường hợp HĐQT vẫn không tìm được người lao động phù hợp, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh giảm tổng số lượng cổ phiếu chào bán theo đúng số lượng cổ phiếu thực tế đã phân phối.

22. Đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung: ĐHĐCĐ Thông qua và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

23. Thông qua việc thay đổi Vốn điều lệ: Thông qua việc thay đổi Điều lệ Công ty (mục Vốn điều lệ) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan có thẩm quyền sau khi UBCKNN thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành.

Điều 2. Hội đồng quản trị giao Tổng giám đốc Công ty triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, cụ thể:

- Tiến hành các thủ tục nộp Hồ sơ xin phép phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Giải trình các vấn đề liên quan (khi có yêu cầu);
- Chuẩn bị và trình Hội đồng quản trị phê duyệt các hồ sơ liên quan đến việc Đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (CNVSDC) và đăng ký chứng khoán bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội sau khi việc phát hành được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;
- Tiến hành các thủ tục Công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật;

Điều 3. Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm như sau:

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty: 0% (căn cứ Công văn số 2852/UBCK-PTTT ngày 14/06/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm);
- Công ty phát hành cổ phiếu cho người lao động là nhà đầu tư trong nước để đảm bảo không làm tăng tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty;
- Trong trường hợp người lao động được phân phối cổ phần không thực hiện quyền mua (nếu có), Công ty sẽ phân phối lại cho người lao động trong nước, đảm bảo sẽ không làm tăng tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Điều 4. Các Ông/Bà trong Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu: TK HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐS. PHẠM THỊ BÍCH THỦY

